

13/8-6-1
12:03
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date Board

WHITE Tran Ngoc Minh						FED						RESULT (W) 0.5	
BLACK Jamison Edrich						FED						RESULT (B) 1.5	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c5	21	g4	h6	41	g4	g4	61				
2	nf3	nc6	22	re4	g4	42	l	g4	62				
3	bb5	g6	23	ra4	g6	43	g4	g4	63				
4	bxc6	bxc6	24	ra4	nc6	44	g4	g4	64				
5	0-0	bg7	25	ra4	g6	45	g4	g4	65				
6	re1	rb8	26	re4	g6	46	g4	g4	66				
7	c3	nf6	27	re4	g6	47			67				
8	h3	0-0	28	re4	g6	48			68				
9	d4	xd4	29	re4	g6	49			69				
10	exd4	d6	30	re4	g6	50			70				
11	nc3	nd7	31	re4	g6	51			71				
12	b3	c5	32	re4	g6	52			72				
13	be3	bb7	33	re4	g6	53			73				
14	re1	g4	34	re4	g6	54			74				
15	ad2	rfe8	35	re4	g6	55			75				
16	xc5	nxcs	36	re4	g6	56			76				
17	bxs	axd5	37	re4	g6	57			77				
18	nd5	g4	38	re4	g6	58			78				
19	re1	g4	39	re4	g6	59			79				
20	exd4	g4	40	re4	g6	60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							

13/8-6-1
12:03
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date Board

WHITE Tran Ngoc Minh						FED VIE						RESULT (W) 1/2	
BLACK Koo Jamison Edrich						FED HKG						RESULT (B) 1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c5	21	g4	h6	41	Qd2	Qd5	61				
2	Nf3	Nc6	22	Re4	Qa6	42	Qe3	Qc7	62				
3	Bb5	g6	23	Ra4	Qb5	43	Kg2	Kc7	63				
4	Bc6	bc	24	Roa7	Rb5	44	Qd2	Qc5	64				
5	0-0	Bg7	25	Rab7	Qa6	45	Qe3	Qc7	65				
6	Re1	Rb8	26	Kg2	Rc7	46	Qf3	Kg7	66				
7	c3	Nf6	27	Rc7	Kc7	47	Qe3		67				
8	h3	0-0	28	Rc4	Qa3	48			68				
9	d4	cd	29	Ra4	Qc5	49			69				
10	cd	d6	30	Qd3	Rb8	50			70				
11	Nc3	Nd7	31	Nb2	Bh4	51			71				
12	b3	c5	32	Qf3	Kg8	52			72				
13	Be3	Bb7	33	Rc4	Qa5	53			73				
14	Rc1	Qa5	34	Rc2	Rb5	54			74				
15	Qd2	Rfe8	35	Nc4	Qa8	55			75				
16	dc	Nc5	36	a4	Rb4	56			76				
17	Bc5	Qc5	37	Rc3	Bf6	57			77				
18	Nd5	Qa3	38	Rd3	Kg7	58			78				
19	Rc7	Bd5	39	Kg1	Qa7	59			79				
20	ed	Bf6	40	Qe3	Qc7	60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							

0-10-3-20

B18-6-2

13:15

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date Aug 26

Group B18

Round 8

Board 2

WHITE Joanne Marzhan						FED PHI		RESULT (W) 0			
BLACK Hong Mingren						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	g3	Qd4	41	Bc5	Kc7	61	Qdxc6	b3
2	c4	e6	22	Nb1	Be6	42	h4	Bc1	62	Qb6	Qc8
3	Nc3	Bb4	23	Kf7	B37	43	Qc7	Qe6	63	Kg4	b2
4	f3	d5	24	Kc8	Rc8	44	h4	Be2	64	ab	Qc8
5	a3	Bd6	25	Kd2	Rc1	45	h5	Rb1	65	Kf3	Ea2
6	Kg5	h6	26	Ng2	Qb6	46	Nf1	Qb8	66	Ng4	h5
7	Bh4	dxc4	27	Rb2	Bc7	47	Bc5	Ba5	67	Kf4	Qb2
8	e4	Be7	28	Qd2	Qa6	48	Bcb	g7	68	h5	Qb2
9	Rf2	ab	29	Be2	Kh8	49	e6	Rb3	69	Kf2	Qc2
10	Be4	b5	30	Lc4	Nf6	50	Qd1	Bc1	70	h5	Qc3
11	Bd3	Bb7	31	R75	Nf7	51	h5	Bb7	71	Kf7	Q1+
12	Kel	Nb7	32	Nc3	Rc5	52	Kh3	g7	72	Kf3	h7
13	b4	e5	33	Qd2	R44	53	Ng8	Rc5	73	Bc7	g7
14	d5	0-0	34	Rd2	Qc7	54	hagtr	Kg7	74	Kg7	Qf7
15	Nh3	c6	35	Ka5	Be5	55	Ng2	Rg2	75	Kh4	Qb6
16	dxc6	Bxb6	36	Ka5	Rc5	56	Kg5	g7	76	Kg7	Qf7
17	0-0	Nb6	37	Gc5	Qc5	57	Rf7	Bg5	77	Kf6	g7
18	Qe2	Bg7	38	Nc3	Bb3	58	Kf1	g1	78		
19	Bxb6	Bxb6	39	Nc5	Rg2	59	Kc2	Qe5	79		
20	Nf2	Kc8	40	Bg2	g7	60	Kf3	b7	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date Aug 25

Group C18

Round 6

Board 2

WHITE Norzabal, Jermel						FED PHI		RESULT (W) 0			
BLACK Hong Mingren						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	g3	Qd4	41	Qc5	Kh7	61	Rab	b3
2	c4	e6	22	Mb1	Be6	42	h4	Be1	62	Ab6	Qc7
3	Nc3	Bb4	23	Rh1	Pb3	43	Qc7	ae6	63	Kf4	b2
4	f3	d5	24	Rc8	R8	44	g4	Rh2	64	g1	Qe5
5	a3	Bd6	25	Rd2	Rc1	45	g5	Be1	65	Kf2	Qc7
6	Bg5	h6	26	Kg2	Qh1	46	Nf4	Qh1	66	Kg4	h7
7	Bh4	dc	27	Rb2	Ba4	47	e5	Kh5	67	h4	Qd2
8	e4	Be7	28	Qd2	ac6	48	ac6	g6	68	h3	Qd1
9	Bh2	ab	29	Be2	Mb5	49	eb	Pb4	69	h2	Qd4
10	Be4	b5	30	f4	h6	50	Rc4	Qb6	70	h4	Qc7
11	Bd3	Rb7	31	Bf1	Nd7	51	Lc5	Qb2	71	Kf4	Qc1
12	Rc1	Mb7	32	Nb3	Rc4	52	Kh3	Rh1	72	h7	Qb7
13	b4	e5	33	Qe2	Rd4	53	Ng2	Qe5	73	h4	Rb7
14	d5	0-0	34	Rd2	Qc7	54	h7	h7	74	b7	Qc1
15	Mh3	c6	35	Ne5	Rd2	55	Kh2	Rb2	75	h5	Qh7
16	dc	Bb6	36	Qd2	Ne5	56	b7	Rb6	76	Kg4	Qc4
17	0-0	Nb6	37	Qe	Qe5	57	et	Qb7	77	Khj	Qc1
18	Qe2	Rd7	38	Nc3	Pb3	58	h1	Rh1	78		
19	Rb6	Qb7	39	Nh5	Rh1	59	ke2	Qe5	79		
20	Nf2	Rac8	40	h7	Bc4	60	h1	b4	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

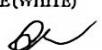
B18-6-3 12:48

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date _____ Board 3

WHITE Cu, Ivan Travis						FED PHI		RESULT (W) 1			
BLACK Zheng, Haoran (ZJ)						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	c5	21	g4	Re7	41	Kh3	Kf8	61		
2	c4	Nf6	22	Rd3	Rg8	42	Kh4	Ke7	62		
3	g3	b6	23	g5	d5	43	e5	fe	63		
4	Bg2	Bb7	24	Rh3	Rg7	44	Qe5	Kf8	64		
5	b3	g6	25	gf	ef	45	Kh5	a5	65		
6	Bb2	Bg7	26	Qf4	Rg7	46	f4	h6	66		
7	d4	cd	27	cd	Rf8	47	Qh8	Ke7	67		
8	Qd4	Na6	28	Rf3	Bd5	48	Qax	Kf8	68		
9	Nc3	Nc5	29	Bd5	Re3	49	f5	Rg7	69		
10	Qc2	Qc2	30	Pc3	Qd5	50	Rf6	Kf8	70		
11	Rac1	Rc8	31	Rd3	Qe6	51	Qe8		71		
12	Rfd1	d6	32	e4	Kg7	52			72		
13	Bh3	Nd5	33	Rd6	Qe7	53			73		
14	Qh4	Bf6	34	Rc6	Rf7	54			74		
15	Nf5	Bg5	35	Kf2	Qd7	55			75		
16	Qg5	Nc3	36	Rd6	Qe7	56			76		
17	Rc3	Ne4	37	f3	Qe8	57			77		
18	Qh6	Nc3	38	a4	Qe7	58			78		
19	Bc3	f6	39	h4	Qc7	59			79		
20	Be6	Kh8	40	h5	gh	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

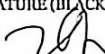
B18-6-3 12:48

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date *8-26-26* Board *3*

WHITE <i>Cu, Ivan</i> <i>Travis</i>						FED		RESULT (W) <i>1</i>			
BLACK <i>Zheng, Haoran (ZJ)</i>						FED		RESULT (B) <i>0</i>			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	c5	21	g4	Re7	41	Kh3	Kf8	61		
2	c4	Nf6	22	Rd3	Rg8	42	Kh4	Ke7	62		
3	g3	b6	23	g5	d5	43	e5	f6e	63		
4	Bg2	Bb7	24	Rh3	Rg7	44	Qe5	Kf8	64		
5	b3	g6	25	gxf6	exf6	45	Ka5	e5	65		
6	Bb2	Bb7	26	Qd4	Rd7	46	f4	h6	66		
7	d4	and4	27	cd5	Rf8	47	Qh8	Ke7	67		
8	Qd4	Na6	28	Rf3	Bd5	48	Qc5	Kf8	68		
9	Nc3	Nc5	29	Bd5	Rc3	49	f5	Rd7	69		
10	Qc2	Qc2	30	Rc3	Qd5	50	Rf6	Kg8	70		
11	Rac1	Rc8	31	Rd3	Qe6	51	Qe8		71		
12	Rfd1	d6	32	e4	kg7	52	1-0		72		
13	Bh3	Nd5	33	Rd6	Qe7	53			73		
14	Qh4	Bf6	34	Rc6	Rf7	54			74		
15	Nf5	Rg5	35	kg2	Qd7	55			75		
16	Qg5	Nxc3	36	Rd6	Qe7	56			76		
17	Rxc3	Nc4	37	f3	Qc8	57			77		
18	Qh6	Nxc3	38	a4	Qe7	58			78		
19	Bxc3	f6	39	h4	Qd7	59			79		
20	Rc6	Kh8	40	h5	gxf6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

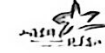


Date 08.26

Group B18
Round 6
Board 4

WHITE Casiguran Phil Martin						FED PHI		RESULT (W) 1			
BLACK Liu Hanxuan						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	e5	e4	41	Rg2	Qa1	61		
2	c4	e6	22	Bxe4	Ng5	42	Qe7	Bf8	62		
3	Nf3	d5	23	Bg2	Bh3	43	Qe5		63		
4	g3	Bb4	24	L4	Ne4	44			64		
5	Bd2	g5	25	Qxb3	Bxg2	45			65		
6	Qe2	O-O	26	Kxg2	Qd6	46			66		
7	Bg2	c5	27	Rg1	Qd3	47			67		
8	dxc5	d4	28	Qc2	Nf5	48			68		
9	Bxb4	axb4	29	Rf3	Rg6	49			69		
10	Ne5	Qe7	30	Rg3	Rxg3	50			70		
11	Nd3	Nc6	31	Kxg3	Qxg3	51			71		
12	Qd2	e5	32	Bg2	Qxe3	52			72		
13	Nxb4	Nxb4	33	Qf2	Qd4	53			73		
14	Qxb4	Nd7	34	Nd6	Qxb4	54			74		
15	Na3	Nxc5	35	Rd1	Qd4	55			75		
16	Nb5	Qe7	36	Rb1	Rd8	56			76		
17	O-O	Ra6	37	Kh2	h5	57			77		
18	Qd2	Rh6	38	Rxb7	Qd1	58			78		
19	e3	d3	39	Rb2	h4	59			79		
20	b4	Ne6	40	Qxd4	Ra8	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			[Signature]			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
Round 6
Board 4

WHITE Phil Cagumpayan						FED PH1			RESULT (W) 1		
BLACK						FED			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nc6	21	e5	e4	41	Ng2	Ra1	61		
2	c4	e6	22	Bxc4	Ng5	42	Qe7	Rd4	62		
3	Nf3	d5	23	Bg2	Bh3	43	Qe5		63		
4	g3	Bb4	24	L4	Ne4	44			64		
5	Bd2	a5	25	Qxb3	Bxg2	45			65		
6	Qe2	O-O	26	Kxg2	Qd6	46			66		
7	Bg2	c5	27	Rg1	Qd3	47			67		
8	dxc5	d4	28	Qc2	Nf5	48			68		
9	Bxb4	axb4	29	Rf3	Rg6	49			69		
10	Ne5	Qe7	30	Rxg3	Rxg3	50			70		
11	Nd3	Nc6	31	Kxg3	Qxg3	51			71		
12	Qd2	e5	32	Bg2	Qxe3	52			72		
13	Nxb4	Nxb4	33	Qf2	Qd4	53			73		
14	Qxb4	Nd7	34	Nd6	Qxb4	54			74		
15	Na3	Nxc5	35	Rd1	Qd4	55			75		
16	Nb5	Qe7	36	Rb1	Rd8	56			76		
17	O-O	Ra6	37	Kb2	h5	57			77		
18	Qd2	Rd6	38	Rxb7	Qd1	58			78		
19	e3	d3	39	Rb2	h4	59			79		
20	b4	Ne6	40	Qxh4	Ra8	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			[Signature]			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 26.8.2026

Group B18
Round 86
Board 5

WHITE Yu Zechen						FED CHN			RESULT (W) 0.5		
BLACK Chan, Wang Ip Boris						FED HKG			RESULT (B) 0.5		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bd2	b4	41	Rc3	Rd8	61		
2	Nf3	db	22	Qf4	bc	42	Rc4	Ra8	62		
3	Bc4	Nfb	23	bc	h5	43	Rc3	Rd8	63		
4	d3	Ncb	24	a5	Rab8	44	Rc4	Ra8	64		
5	o-o	ab	25	Rab1	c4	45	Rc3		65		
6	a4	Bg4	26	Rb6	Bc5	46			66		
7	h3	ef3	27	Rb8	Rb8	47			67		
8	Qf3	eb	28	dc	dc	48			68		
9	Nd2	Be7	29	Be3	Be3	49			69		
10	c3	Qd7	30	Qe3	Rb5	50			70		
11	Bb3	o-o	31	f4	Nq5	51			71		
12	Re1	b5	32	Ba4	Rd5	52			72		
13	Bc2	Rfd8	33	Rb1	Nb3	53			73		
14	Nf1	~~ef3~~	34	Pb3	c6	54			74		
15	e5	Nef8	35	c4	Rd8	55			75		
16	Qg4	g6	36	Qb3	Rc8	56			76		
17	Bh6	Ng7	37	Rc1	Qc6	57			77		
18	Ng3	Nf5	38	c5	a5	58			78		
19	Nf5	ef	39	Kh2	a4	59			79		
20	Qf3	Qeb	40	Qb4	Ra3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Yu Zechen			Chan, Wang Ip Boris								

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 26/8

Group B18
Round 6
Board 5

WHITE Yu, zechen						FED			RESULT (W) 1/2		
BLACK Chan, wang ip Boris						FED			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bb2	b4	41	Rc3	Rd7	61		
2	Nf3	db	22	Qf4	bc	42	Rc4	Ra7	62		
3	Bc4	Nf6	23	bc	h5	43	Rc3	Rd7	63		
4	d3	Ncb	24	a5	Rab8	44	Rc4	Ra7	64		
5	o-o	ab	25	Rb1	c4	45	Rc3	Rd7	65		
6	a4	Bg4	26	Rb6	Bc5	46			66		
7	h3	ef3	27	Rb8	Rb8	47			67		
8	Qf3	eb	28	dc	dc	48			68		
9	Nd2	Be7	29	Be3	Be3	49			69		
10	c3	Qd7	30	Qe3	Rb5	50			70		
11	Bb3	o-o	31	f4	Nq5	51			71		
12	Re1	b5	32	Ba4	Rd5	52			72		
13	Bc2	Rfd8	33	Rb1	Nb3	53			73		
14	Nf1	~~ef3~~	34	Pb3	c6	54			74		
15	e5	Nef8	35	c4	Rd8	55			75		
16	Qg4	g6	36	Qb3	Rc8	56			76		
17	Bh6	Ng7	37	Rc1	Qc6	57			77		
18	Ng3	Nf5	38	c5	a5	58			78		
19	Nf5	ef	39	Kh2	a4	59			79		
20	Qf3	Qeb	40	Qb4	Ra3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Yu Zechen			Chan, Wang Ip Boris								

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/26

Group
O18

Round
6

Board
6

WHITE Ren. Mibai						FED CHN			RESULT (W) 1/2		
BLACK Soddilegt.N						FED MVL			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	04	C5	21	Na4	b4	41			61		
2		Nf3	22		ed	42			62		
3	d4	c6	23	Bd5	Qd5	43			63		
4		Nd4	24	Rhe1	Qb7	44			64		
5	u3	a6	25	Ka1	Na3	45			65		
6		Qc3	26		ba	46			66		
7	Bc1	Nf6	27	Nb3	ab	47			67		
8		Re3	28		cb	48			68		
9	Q3	Be7	29	Ob3	Rbs	49			69		
10		f3	30	Ka2	Rh3	50			70		
11	g4	Nd7	31	Re2	Mh6	51			71		
12		Qc2	32		Re2	52			72		
13	Qo	Nc4	33	Ad7	Bd8	53			73		
14		Kb1	34		gh	54			74		
15	F4	Nb47	35	F5	Rh5	55			75		
16		Bc1	36		fe	56			76		
17	g5	Nb6	37	Kg2	q5	57			77		
18		Qh5	38		h4	58			78		
19	Qh3	h5	39			59			79		
20	Bq2	Nh4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8-26

Group
1

Round
6

Board
6

WHITE Ren Jibai						FED			RESULT (W) 1/2		
BLACK N. Soddilegt						FED			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	Qc5	21	Nc4	2i	41			61		
2		Nf3	22		ed	42			62		
3	d4	cd	23	Bg5	Qd5	43			63		
4		Nb4	24		Rhe1	44			64		
5	Nc3	ab	25	Ka1	Na3	45			65		
6		Be3	26		ba	46			66		
7	Bc1	Nf6	27	Nb3	ab	47			67		
8		Re3	28		cb	48			68		
9	Q3	Be7	29	Ob3	Rbs	49			69		
10		f3	30		Ka2	50			70		
11	g4	Md7	31	Re2	Mh6	51			71		
12		Qc2	32		Re2	52			72		
13	Qo	Ne4	33	Ad7	Bd8	53			73		
14		Kb1	34		gh	54			74		
15	fh	Nb47	35	f5	Rh5	55			75		
16		Bc1	36		fe	56			76		
17	g5	Nb6	37	Rg2	q5	57			77		
18		Oh5	38		h4	58			78		
19	Sh3	2i	39			59			79		
20		Bq2	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group U-18
Round 6
Board 7

WHITE Genivan						FED			RESULT (W) 1		
BLACK Khalid S.A						FED INA			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rf3	Nc8	41			61		
2	d4	d5	22	Nf1	Qd6	42			62		
3	exd4	cxd5	23	Qd5	b4	43			63		
4	Bc3	Nf6	24	Nf3	bxc3	44			64		
5	c3	Bg4	25	bxc3	h2	45			65		
6	Qb3	Qc7	26	Ng4	Rc8	46			66		
7	Kc1	h6	27	h4	h5	47			67		
8	Mb1	e6	28	Nes	Ng2	48			68		
9	Bd3	Rd4	29	Rb1	Qd8	49			69		
10	Qd3	Qd4	30	Qf4	Nf5	50			70		
11	0-0	0-0	31	g3	Rh1	51			71		
12	Rae1	a6	32	Rh1	Qd6	52			72		
13	h4	b5	33	Kh2	Qc7	53			73		
14	Rc3	Bf5	34	Qd5	Kg2	54			74		
15	Qc2	g6	35	g4	h3	55			75		
16	Rf1	Rf6	36	h4	Rx3	56			76		
17	Qd1	Bx3	37	Rxf5	exf5	57			77		
18	Rx3	Qf2	38			58			78		
19	Qf2	Nes	39			59			79		
20	Qas	Qd6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Cecel			hy			B					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group U18 Open
Round 6
Board 7

WHITE Genivan Genkeswarum						FED MAS			RESULT (W) 1		
BLACK Azzamy Khalid Shafwan						FED INA			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rf3	Nc8	41			61		
2	d4	d5	22	Nf1	Qd6	42			62		
3	exd5	cxd5	23	Qh5	h4	43			63		
4	Bd3	Nf6	24	Ne3	bxc3	44			64		
5	c3	Bf4	25	bxc3	h7	45			65		
6	Qb3	Qd7	26	Nd4	Rac8	46			66		
7	Bf4	Nc6	27	h4	h5	47			67		
8	Nge2	c3	28	Nes	Ng7	48			68		
9	Ngf3	Bd6	29	Rh1	Qf8	49			69		
10	Bd6	Qd6	30	Qf1	Rc3	50			70		
11	0-0	0-0	31	Q3	h4	51			71		
12	Rae1	a6	32	Rth8	Qd6	52			72		
13	Nes	h5	33	Kh2	Qc8	53			73		
14	Re3	Rf5	34	h4	Qc7	54			74		
15	Qc2	g6	35	g4	h4	55			75		
16	Rf1	Rac8	36	Nxg4	Rc3	56			76		
17	Qd1	Rf3	37	Rc3	exf5	57			77		
18	Rx3	Qd7	38	Qh6		58			78		
19	Qc2	Nxg3	39			59			79		
20	Qxg5	Qd6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Cecel			hy			B					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

Round 6

Board 8/18-08

WHITE Yu zhe						FED			RESULT (W) 0.		
BLACK Pu Yu						FED			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rb6	z5	41	Ke2	Qc1	61		
2	d4	d5	22	Rd6	Rf6	42	Kf1	Qz1	62		
3	e5	c5	23	Rb1	Kf8	43	F3	Be2	63		
4	dc	e6	24	Rb7	ke8	44	h4	Qd2	64		
5	Be3	Nd7	25	Nd5	Rc5	45	Ke3	Qc3	65		
6	Bb5	Ne7	26	Nh7	B8	46			66		
7	c3	Nc6	27	Rd8	Kd8	47			67		
8	Nf3	R5	28	Rf7	d4	48			68		
9	Bc5	Nc5	29	c4	Rc4	49			69		
10	O-O	O-O	30	Kf1	Rd7	50			70		
11	Nbd2	d6	31	Nd5	Rd2	51			71		
12	Rc6	bc	32	Ke1	d3	52			72		
13	b4	Nd7	33	Ne4	Re2	53			73		
14	Nb3	Qc7	34	Kd1	Rc4	54			74		
15	Qd4	Rd8	35	Kd2	Bb6	55			75		
16	d4	c5	36	Rd7	Re2	56			76		
17	Nc5	Nc5	37	Kc1	B4	57			77		
18	Qc5	Qc5	38	Rd2	d2	58			78		
19	bc	Bd7	39	Kd1	Bb3	59			79		
20	Rf1	Rb8	40	Ke2	d1	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
JFJ			PUYU			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/26

Group

Round 6

Board 8

WHITE Yu zhe						FED CHN			RESULT (W) 0		
BLACK Pu Yu						FED TPE			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rb6	Q5	41	Qe1	Qe1	61		
2	d4	d5	22	Rd6	Rd1	42	Kf4	Qxg5	62		
3	e5	c5	23	Rb1	Kf8	43	f3	Bc2	63		
4	dx c	e6	24	Qb7	Ke8	44	h4	Qd2	64		
5	Be3	Nd7	25	Nd5	Rc5	45	Kg3	Qe3	65		
6	Bb5	Ne7	26	Kxh7	Bc8	46			66		
7	c3	Nc6	27	Rxc5	Kxd8	47			67		
8	Nf3	Bxc5	28	Rxf7	d4	48			68		
9	Bxc5	Nxc5	29	c4	Rc4	49			69		
10	O-O	O-O	30	Kf1	Rxa4	50			70		
11	Nbd2	a6	31	Ng5	Ra2	51			71		
12	Bxc6	bxc	32	Ke1	d3	52			72		
13	b4	Nd7	33	Ke4	Re2	53			73		
14	Nb3	ac7	34	Kd1	Rxe4	54			74		
15	Qd4	Rb8	35	Kd2	Ba6	55			75		
16	Q4	c5	36	Ran	Re2	56			76		
17	Nxc5	Nxc5	37	Kc1	Bc4	57			77		
18	Qxc5	Qxc5	38	Rxc5	d2	58			78		
19	bxc	Bd7	39	Kd1	Bb3	59			79		
20	Rf1	Rb8	40	Kxe2	d1=Q	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
JFJ			PUYU			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 26.8.26

Group B18
Round 6
Board 9

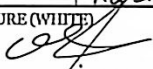
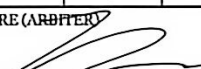
WHITE Munkhkhazul, Munkhmanlai						FED MGL			RESULT (W) 0		
BLACK Wang, Puxaon						FED CHN			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	b4	Ba4	41	~~Kf2e7~~	Kd7	61	Ke1	Kc4
2	Nb3	g6	22	Kc1	Kd7	42	b23	Kc5	62	Rd2	Kc1
3	C4	Kc6	23	Ra2	Ra2	43	Ke3	Kf6	63	g3	Nc2
4	d4	cd4	24	Ma2	Me5	44	e5	Ke5	64	Kd1	Ke4
5	Kd4	Nf6	25	Kc1	Ke3	45	Bg6	h96	65	Kc1	Re1
6	Kc3	d6	26	Kd5	e6	46	Ke2	Kd4	66		
7	Be2	Kd4	27	Re3	Ra8	47	Nb1	Ne3	67		
8	Qd4	Bg7	28	b5	Kf2	48	Kf1	Kd3	68		
9	Be3	D-o	29	f4	Kd7	49	Rd1	Kc4	69		
10	Qd2	d5	30	f5	Ra3	50	Kd2	Ke3	70		
11	f3	cl4	31	f66	f66	51	R3	g4	71		
12	O-O	Qa5	32	Kf2	Kc5	52	h44	e5	72		
13	Ra1	Ba7	33	h43	Kd1	53	R45	d5	73		
14	Rfd1	Bc6	34	Ke2	Me5	54	Nd6	d4	74		
15	Rh6	Rf8	35	Rc1	Ra2	55	Kc7	Kc2	75		
16	B47	kg7	36	Kf1	q5	56	Ra1	Kb2	76		
17	b4	ab4	37	Be2	b6	57	Rd1	M34	77		
18	ab4	cb4	38	Kd1	Ke7	58	q5	Kc3	78		
19	Ra7	Qa7	39	Kc3	Ra3	59	Re6	d3	79		
20	Ra2	La3	40	h3	Bg6	60	Kf2	Kc2	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.26

Group B18
Round 6
Board 9

WHITE						FED			RESULT (W)		
Munkh manlai						MGL			0		
BLACK						FED			RESULT (B)		
Wang, Puxuan						CHN			1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	b4	Ba4.	41	Kf2	Nd7	61	Ke2.	Re4
2	Nb3	g6	22	Nc1	Nd7	42	Bd3.	Nc5.	62	Ke2.	Ke3
3	c7	Nc6	23	Ra2.	Ra2.	43	Ke3.	Kf6	63	g3.	Nc2.
4	d4	cd	24	Na2	Ne5.	44	e5.	Ke5.	64	Kd1.	R4
5	Nd4	Nf6	25	Nc3.	Re6.	45	Bg6 h7	Ke8	65	Re4.	Kc1.
6	Nc3	d6.	26	Nd5	e6	46	Kd4	Nb1.	66	Re1.	
7	Bf2	Nd4	27	Ne3	Ra6	47	Re3	Kf1.	67		
8	Qd4	Bg7.	28	b5	Kf8	48	Nd3	Rd1	68		
9	Bd3	O-O.	29	d4	Nd7	49	Kc4	Nd2	69		
10	Qd2	a5.	30	d5	Ra3	50	Ke3.	Nb3	70		
11	f3	q4.	31	Re	Le	51	g4.	hg.	71		
12	O-O.	Ga5	32	Kf2	Nc5	52	e5.	Nf5.	72		
13	Ra1	Bd7	33	Bd3	Nd3	53	d5.	Ne6.	73		
14	Rd1	Bc6	34	Re2	Ne5	54	d4	Nc7.	74		
15	Bh6.	Rf8	35	Rc1.	Ra2	55	Ke2	Ra1.	75		
16	Bg7	kg2	36	Kf1	g5.	56	Kb2.	Rd1	76		
17	b4	ab.	37	Be2	b6	57	Nb4.	g5	77		
18	ab.	Qb4	38	Nd1.	Ke7.	58	Rc3	Nd1	78		
19	Na2	Qd2	39	Nc3.	Ra3	59	d3.	Kf2.	79		
20	Rd2	Ra3	40	h3	Bg6	60	Kc8	Ke1	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
8/25

Group
13/8
Round
6
Board
10

WHITE Hong Junwon						FED KOR		RESULT (W) 1			
BLACK 6 Cui Baiwen						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	g4	Bx5	41			61		
2	c3	Nf6	22	Qx5	a6	42			62		
3	e5	Nd5	23	Ne4	Nc4	43			63		
4	Nf3	d6	24	Qg4	Kf8	44			64		
5	exd6	Qxd6	25	b3	Ne5	45			65		
6	d4	Nc6	26	Nxe5	Rxe5	46			66		
7	c4	Nb6	27	f4	f5	47			67		
8	d5	Ne5	28	Qh5	Re7	48			68		
9	Bf4	Nd4	29	Qx5	Rf7	49			69		
10	Bxd3	Qxf4	30	Qh7	Rd7	50			70		
11	h3	e6	31	Qh8	Ke7	51			71		
12	O-O	Be7	32	Nxd6	Rxd6	52			72		
13	Nc3	O-O	33	Qx8	Rd8	53			73		
14	Ne2	Qd6	34	d6	Qd7	54			74		
15	Qc2	h6	35	Re7	Qe7	55			75		
16	Rad1	e4	36	d7		56			76		
17	cx5	Bd7	37			57			77		
18	Nc3	Qc7	38			58			78		
19	Rfe1	Bd6	39			59			79		
20	Bf5	Rf8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Hong Junwon			SIGNATURE (BLACK) Cui Baiwen			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
Round
Board

WHITE Hong Junwon						FED		RESULT (W) 1			
BLACK 10 Zhi						FED		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	g4	Bx5	41			61		
2	c3	Nf6	22	Qx5	a6	42			62		
3	e5	Nd5	23	Ne4	Nc4	43			63		
4	Nf3	d6	24	Qg4	Kf8	44			64		
5	exd6	Qxd6	25	b3	Ne5	45			65		
6	d4	Nc6	26	Nxe5	Rxe5	46			66		
7	c4	Nb6	27	f4	f5	47			67		
8	d5	Ne5	28	Qh5	Re7	48			68		
9	Bf4	Nd4	29	Qx5	Rf7	49			69		
10	Bxd3	Qxf4	30	Qh7	Rd7	50			70		
11	h3	e6	31	Qh8	Ke7	51			71		
12	O-O	Be7	32	Nxd6	Rxd6	52			72		
13	Nc3	O-O	33	Qx8	Rd8	53			73		
14	Ne2	Qd6	34	d6	Qd7	54			74		
15	Qc2	h6	35	Re7	Qe7	55			75		
16	Rad1	e4	36	d7		56			76		
17	cx5	Bd7	37			57			77		
18	Nc3	Qc7	38			58			78		
19	Rfe1	Bd6	39			59			79		
20	Bf5	Rf8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Hong Junwon			SIGNATURE (BLACK) Zhi			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]					

B18-6-11

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

11:05



Date 26/08 Board 11

WHITE Muhammad Muaz, Muzafar						FED BRU			RESULT (W) lose 0		
BLACK Wee, Yu Heng Lucas John						FED SGP			RESULT (B) win 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	gxf3	Rxd5	41	b4	axb4	61		
2	Nf3	d6	22	Rxd5	exd5	42	Khs	b3	62		
3	d4	cxd4	23	Nd4	Bd7	43	f4	b2	63		
4	Nxd4	Nf6	24	b3	Re8	44	kg4	Qb1	64		
5	Nc3	ab	25	Rc1	kes	45	khs	Q1#	65		
6	Bg5	e6	26	Nb5	Bb5	46			66		
7	Bd3	Be7	27	axb5	Kd4	47			67		
8	O-O	Nxe4	28	Rc6	Reb	48			68		
9	Bxe7	Nxc3	29	kg2	Kd3	49			69		
10	Bxd8	Nxd1	30	kg3	d4	50			70		
11	Rxd1	Kxd8	31	f4	ke2	51			71		
12	Be4	ke7	32	Rc2	Kf1	52			72		
13	q4	d5	33	Rc4	d3	53			73		
14	Bf3	Nc6	34	f5	Re7	54			74		
15	Nb3	as	35	Rd4	d2	55			75		
16	Re1	Kf6	36	kg4	ke1	56			76		
17	q4	Rd8	37	kg5	f6	57			77		
18	c3	bb	38	kfy	Qd1	58			78		
19	c4	Nes	39	Rxd1	Kxd1	59			79		
20	cxd5	Nxf3	40	kg4	ke2	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Heng			Lucas								

B18-6-11

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

11:05



Date 26 August 2026 Board 11

WHITE Muhammad Muaz Muzafar (0)						FED BRU		RESULT (W) 0			
BLACK Lucas John Wee (1816)						FED SGP		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 90	c5 90	21	gxf3 54	Rxd5 82	41	b4 20	axb4 78	61		
2	Nf3 90	d6 91	22	Rxd5 52	exd5 82	42	Kh5 21	b3 79	62		
3	d4 88	cxd4 91	23	Nd4 51	Bd7 82	43	f4 21	b2 79	63		
4	Nxd4 88	Nf6 91	24	b3 50	Re8 83	44	Kg4 22	b1=Q 80	64		
5	Nc3 88	ab 92	25	Rc1 48	Ke5 80	45	Kh5 22	Qd1# 80	65		
6	Bg5 86	e6 92	26	Nb5 46	Bxb5 78	46			66		
7	Bd3 85	Be7 90	27	axb5 46	Kd4 78	47	0-1		67		
8	O-O 81	Nxe4 89	28	Rc6 45	Re6 78	48			68		
9	Bxe7 76	Nxc3 89	29	Ka2 45	Kd3 77	49			69		
10	Bxd8 76	Nxd1 89	30	Kg3 45	d4 77	50			70		
11	Raxd1 76	Kxd8 90	31	f4 43	Ke2 76	51			71		
12	Be4 75	Ke7 89	32	Rc2 31	Kd1 76	52			72		
13	b4 75	d5 90	33	Rc4 31	d3 76	53			73		
14	Bf3 75	Nc6 90	34	f5 32	Re7 76	54			74		
15	Nb3 74	a5 88	35	Rd4 28	d2 76	55			75		
16	Re1 74	Kf6 88	36	Kg4 29	Ke1 77	56			76		
17	a4 71	Rd8 85	37	Ke5 25	f6 77	57			77		
18	c3 65	b6 82	38	Kf4 21	d1=Q 77	58			78		
19	c4 60	Ne5 82	39	Rxd1 20	Kxd1 78	59			79		
20	cxd5 54	Nxf3 83	40	Kg4 20	Kc2 78	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wee			Lucas								